

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:34 /2018/HS-ST

Ngày 16-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bạch Quảng
2. Ông Quách Đình Hoảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:12/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:47/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Trung H, sinh năm 1995 tại Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Đánh giày; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bình H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H (Đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Trần Như S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 1, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Khắc H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Đ, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trung H là đối tượng mồ côi cha mẹ từ nhỏ và ở tại Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Gia Lai từ ngày 01/11/2004 đến ngày 07/01/2011 thì H bỏ đi khỏi Trung tâm bảo trợ ra ngoài sống lang thang và làm nghề đánh giày trên địa bàn thành phố P. Do không có

tiền tiêu xài nên khoảng 02 giờ 30 phút ngày 01/11/2017, H đi bộ từ khu chợ đêm của Trung tâm thành phố P đến địa bàn khu vực phường Ia Kring, thành phố P với mục đích tìm nhà ai sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, H đi đến dãy nhà trọ số 01 đường Nguyễn Đường thuộc tổ 9, phường Ia Kring, thành phố P, thấy cổng khu nhà trọ không khóa nên H đi vào. Lúc này, các phòng trọ đều đã tắt điện, bị cáo H đã dùng điện thoại di động hiệu Mobistar B248 màu trắng bật đèn pin để chiếu sáng. Khi đến trước phòng trọ số 04 thì thấy cửa khép hờ nên H dùng tay mở cửa ra. Lúc này, anh Trần Như S đang nằm ngủ và có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 trên bàn, đang sạc pin, H vào rút sạc pin ra bỏ vào túi áo, còn chiếc điện thoại H lấy bỏ vào túi quần rồi đi vào phía trong dãy nhà trọ lấy điện thoại ra xem hiệu gì. Sau đó, H bỏ vào túi áo khoác rồi đi ra ngoài định bỏ chạy thì anh Sĩ tỉnh dậy phát hiện, đuổi theo bắt giữ được H và kiểm tra trong túi áo khoác của H có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 cùng với cục sạc pin của anh Sĩ nên anh Sĩ báo Công an phường Ia Kring, Công an phường Ia Kring đã đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Trung H và thu giữ cùng tang vật. Ngoài ra Công an phường còn thu giữ của H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar B248 màu trắng và đã thu giữ tại phòng trọ của anh Trần Như S 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia X2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 258 ngày 02/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P, kết luận: *“01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng có giá trị 2.800.000 đồng; 01 cục sạc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng có giá trị 20.000 đồng”*.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia X2, qua điều tra xác định đây là chiếc điện thoại của anh Bùi Khắc H không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho anh Bùi Khắc H.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar B248 màu trắng thu giữ của Lê Trung H, qua điều tra xác định: Chiếc điện thoại này là của bị cáo H. H đã sử dụng để làm đèn chiếu sáng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển theo hồ sơ để xử lý.

Về dân sự: Sau khi nhận lại chiếc điện thoại trên, bị hại Trần Như S không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Bản cáo trạng số 22/CTr-VKS ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Trung H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Trung H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p, g, h Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Trung H với mức án tù 06 đến 09 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar B248 màu trắng của bị cáo Lê Trung H sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Trung H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 03 giờ ngày 01/11/2017, tại phòng trọ số 04 của dãy nhà trọ số 01 đường Nguyễn Đường thuộc tổ 9, phường Ia Kring, thành phố P, tỉnh Gia Lai, bị cáo Lê Trung H đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Trần Như S gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng có giá trị 2.800.000 đồng và 01 cục sạc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng có giá trị 20.000 đồng, tổng trị giá là 2.820.000 đồng.

Tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2...”

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản tổng giá trị 2.820.000 đồng như đã nêu trên của bị cáo Lê Trung H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công

dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Trung H phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

Để quyết định hình phạt đối với bị cáo, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan nhằm cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội chưa vi phạm các điều mà pháp luật cấm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản mà bị cáo đã trộm cắp có giá trị không lớn (2.820.000đ) và đã được trả lại cho người bị hại, hiện bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cha mẹ đều chết sớm bị cáo không có nơi nương tựa, sự chăm sóc giáo dục đối với bị cáo không được tốt, điều kiện sống ít nhiều đã ảnh hưởng đến việc định hướng tư tưởng của bị cáo và đã đưa bị cáo đến con đường vi phạm pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm p, g, h Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 47 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo đã bị truy tố để tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, cải tạo bản thân thành công dân có ích cho xã hội và sớm có cơ hội hòa nhập cuộc sống cộng đồng.

[4] Về dân sự: Sau khi nhận lại chiếc điện thoại trên, bị hại Trần Như S không có yêu cầu bồi thường gì thêm, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar B248 màu trắng của bị cáo Lê Trung H, bị cáo H đã sử dụng để làm đèn chiếu sáng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, là công cụ phương tiện phạm tội nên phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Trung H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Trung H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p, g, h Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Trung H 04 (Bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 04 (Bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày (từ 01/11/2017 đến 16/3/2018), như vậy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Trung H nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử: Tịch thu 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar B248 màu trắng của bị cáo Lê Trung H để sung công quỹ Nhà nước.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Lê Trung H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Rmah HThuyên

